**PHỤ LỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ**

(Đính kèm Công văn số: 744 /KSBT-DVTYT ngày 13 /10/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang V/v đề nghị báo hiệu chuẩn, sửa chữa thiết bị)

**I. Phụ lục 1: Thiết bị hỏng, cần kiểm tra, sửa chữa**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục thiết bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Vị trí** | **Hiện trạng** |
| 1 | Máy Realtime PCR  Model: ARIA DX Realtime-PCR  Số seri: MY20495313  Hãng: Agilent  Nước sản xuất: Malaysia | Chiếc | 01 | Phòng PCR – bộ phận Vi sinh | Thiết bị báo lỗi, không khởi động được |
| 2 | Máy đo khúc xạ tự động POTEC  Seri: K5AJ21C  Model: PRK 5000  Xuất xứ: Hàn Quốc | Chiếc | 01 | Phòng khám đa khoa | Thiết bị báo lỗi |
| 3 | Máy khuấy từ gia nhiệt IKA  Model: C- MAGHS 10 | Chiếc | 01 | Phòng Hóa lý, khoa Xét nghiệm | Thiết bị báo lỗi |
| 4 | Tủ ATSH ESCO  Số seri: 2021-169051  Model: AC2-4S8-NS  Hãng sản xuất: Esco | Chiếc | 01 | Phòng khẳng định HIV, khoa Xét nghiệm | Thiết bị báo lỗi |
| 5 | Máy cất nước 2 lần  Model: A 4000D  Nước sản xuất: Anh | Chiếc | 01 | Phòng hấp sấy, khoa Xét nghiệm | Thiết bị báo lỗi |
| TỔNG SỐ MỤC: 05 | | | | | | |

**II. Phụ lục 2: Thiết bị cần hiệu chuẩn**

| **TT** | **Tên trang thiết bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Số seri** | **Model** | **Hãng SX** | **Năm đưa vào sử dụng** | **Lần hiệu chuẩn gần nhất** | **Tần suất hiệu chuẩn** | **Vị trí** | **Thông số và điểm hiệu chuẩn** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Tủ cấy vi sinh Telstar | Chiếc | 1 | 13900 | AH100 | Telstar |  | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng cấy mẫu | - Cường độ ánh sáng tím: 39,5 μW/ cm2 |
| - Cường độ ánh sáng làm việc: 635 lx |
| - Hướng dòng khí |
| - Độ ồn |
| 2. | Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO | Chiếc | 1 | 2022-179827 | AC2-4S8-NS | ESCO | 2022 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng đọc và xử lý kết quả | - Cường độ ánh sáng tím: 39,5 μW/ cm2 |
| - Cường độ ánh sáng làm việc: 635 lx |
| - Hướng dòng khí |
| - Độ ồn |
| 3. | Nhiệt kế hiện số | Chiếc | 1 | 120209733 | EA10 | TAIWAN | 2012 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng cấy mẫu | - Nhiệt độ: 3oC, 5 oC ,25 oC , 30 oC, 35 oC, 37 oC, 44 oC, 41,2 oC và -20 oC |
| - Sai số: ±1 oC |
| 4. | Nhiệt ẩm kế | Chiếc | 5 | N/A | TH 101 E |  | 2021 | 11/1/2022 | 01 năm | Labo xét nghiệm nước, TP | - Nhiệt độ: 18-27 oC, 10- 25 oC, 20-35 oC |
| - Độ ẩm: 45-80%; 8-80%; |
| 5. | Nồi hấp JIBMED | Chiếc | 1 | 21L-1423 | LS-100HD | JIBMED | 2021 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng hấp, sấy | - Nhiệt độ: 121oC và 135 oC, sai số: ±1 oC |
| - Thời gian: 45 phút, 60 phút |
| - Áp suất buồng hấp: 1 atm và 2,1 atm |
| 6. | Nồi hấp ALP | Chiếc | 1 | 804196 | CL-32L | ALP | 2011 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng pha chế môi trường | - Nhiệt độ: 110oC và 121 oC, sai số: ±3 oC |
| - Thời gian: 15 phút, 30 phút |
| 7. | Tủ sấy Memmert 50L | Chiếc | 1 | B4030782 | UM400 | Memmert | 2009 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng hấp, sấy | - Nhiệt độ: 180oC |
| - Sai số: ±1 oC |
| 8. | Tủ sấy Memmert | Chiếc | 1 | 772303 | TV 03U | Memmert | 2008 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng phá mẫu | Nhiệt độ: 102 oC và 105 oC, sai số: 0,5 oC |
| 9. | Tủ ấm Memmert 37oC | Chiếc | 1 | E5400385 | BE500 | Memmert |  | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng đọc và xử lý kết quả | - Nhiệt độ: 37oC |
| - Sai số: ±1 oC |
| 10. | Tủ ấm Memmert 30oC | Chiếc | 1 | E4030499 | BE400 | Memmert | 2002 | 11/1/2022 | 01 năm | - Nhiệt độ: 30oC |
| - Sai số: ±1 oC |
| 11 | Tủ ấm Memmert 25oC | Chiếc | 1 | E4071289 | INB400 | Memmert |  | 11/1/2022 | 01 năm | - Nhiệt độ: 25oC |
| Sai số: ±1 oC |
| 12 | Tủ ấm Memmert 41,5oC | Chiếc | 1 | E4030493 | INB400 | Memmert | 2009 | 11/1/2022 | 01 năm | - Nhiệt độ: 41,5oC |
| Sai số: ±1 oC |
| 13 | Tủ ấm Memmert 44oC | Chiếc | 1 | E4070938 | INB400 | Memmert | 2007 | 11/1/2022 | 01 năm | - Nhiệt độ: 44oC |
| Sai số: ±1 oC |
| 14. | Tủ ấm Memmert 35oC | Chiếc | 1 | E4051135 | INB400 | Memmert | 2005 | 11/1/2022 | 01 năm | - Nhiệt độ: 35oC |
| Sai số: ±1 oC |
| 15 | Lò nung Phonex | Chiếc | 1 | 89-H-77 | MR3-17-8 | Phonex | 2008 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng phá mẫu | - Nhiêt độ 550 oC |
| Sai số: ± 25 oC |
| 16 | Máy đo UV- VIS | Chiếc | 1 | A116354 | UV-1800 | Simadzu | 2016 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng cân-đo quang | - Các bước sóng 230,410, 450, 640,510,520,880- Độ ổn định đường nền: <0.0003 Abs/giờ (700nm sau 1 giờ bật máy). |
| Độ phẳng đường nền: ±0006 Abs (sau 1 giờ bật máy). |
| 17 | Cồn kế | Chiếc | 1 |  |  |  | 2016 | 11/1/2022 | 01 năm | Phòng cân-đo quang | Giải đo 0-60 % v/v |

**Mẫu báo giá**

**Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng,** **kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế**

**BÁO GIÁ(1)**

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục** **dịch vụ** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng:** | | | | | |  |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày],* kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi *ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

            , ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp(2)**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

 Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thông. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Cam kết của nhà thầu: Thông tin báo giá trung thực. Nhà thầu không đang trong quá trình mất khả năng thanh toán theo quy định pháp luật. giá trị của thiết bị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.